

QUỐC HỘI
Số: 03/1998/QH10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 1998

LUẬT

Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi)

Để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn, tài nguyên, lao động và các tiềm năng khác của đất nước nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này quy định về khuyến khích đầu tư trong nước,

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Nhà nước bảo hộ, khuyến khích, đối xử bình đẳng và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên lãnh thổ Việt Nam theo pháp luật Việt Nam.

Điều 2

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Đầu tư trong nước" là việc sử dụng vốn để sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 5 của Luật này.
- "Nhà đầu tư" là tổ chức, cá nhân sử dụng vốn để thực hiện đầu tư quy định tại Điều 4 của Luật này.
- "Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao" (BOT) là văn bản ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng

trong một thời hạn nhất định do hai bên thỏa thuận; hết thời hạn, nhà đầu tư chuyển giao không bồi hoàn công trình đó cho Nhà nước.

4. "Hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh" (BTO) là văn bản ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho Nhà nước. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dành cho nhà đầu tư quyền kinh doanh công trình đó trong một thời hạn nhất định do hai bên thỏa thuận.

5. "Hợp đồng xây dựng - chuyển giao" (BT) là văn bản ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho Nhà nước. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng tạo điều kiện cho nhà đầu tư thực hiện dự án khác để thu hồi vốn đầu tư và có lợi nhuận.

6. "Người Việt Nam định cư ở nước ngoài" là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở nước ngoài.

7. "Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam" là công dân nước ngoài và người không quốc tịch cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở Việt Nam.

8. "Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn" là địa bàn vùng dân tộc thiểu số; miền núi; vùng có kết cấu hạ tầng chưa phát triển; vùng có điều kiện tự nhiên không thuận lợi.

9. "Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn" là địa bàn vùng dân tộc thiểu số ở miền núi cao; hải đảo; vùng có kết cấu hạ tầng yếu kém; vùng có điều kiện tự nhiên rất không thuận lợi.

Điều 3

Nhà đầu tư được sử dụng vốn bằng tiền, tài sản sau đây để đầu tư tại Việt Nam:

1. Tiền Việt Nam, tiền nước ngoài;
2. Vàng, chứng khoán chuyển nhượng được;
3. Nhà xưởng, công trình xây dựng, thiết bị, máy móc, các phương tiện sản xuất, kinh doanh khác;
4. Giá trị quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
5. Giá trị quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ;
6. Các tài sản hợp pháp khác.

Điều 4

Phạm vi điều chỉnh của Luật này bao gồm các hoạt động đầu tư sau đây:

1. Đầu tư thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế;
2. Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi đô thị, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa ngành nghề, sản phẩm;
3. Mua cổ phần của các doanh nghiệp, góp vốn vào các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế;
4. Đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao; đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh; đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao.

Điều 5

1. Đối tượng áp dụng của Luật này bao gồm:
 - a) Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân Việt Nam;
 - b) Nhà đầu tư là người Việt Nam định cư ở nước ngoài;
 - c) Nhà đầu tư là người nước ngoài thường trú ở Việt Nam.
2. Thủ tướng Chính phủ quyết định những trường hợp cụ thể cho phép nhà đầu tư là người nước ngoài góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với mức không quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

CHƯƠNG II

BẢO ĐẢM VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 6

1. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư.
2. Tài sản và vốn đầu tư hợp pháp của nhà đầu tư không bị quốc hữu hóa, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.

Trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia, Nhà nước quyết định trưng mua hoặc trưng dụng tài sản của nhà đầu tư, thì nhà đầu tư được thanh toán

hoặc bồi thường theo thời giá thị trường tại thời điểm công bố quyết định trưng mua hoặc trưng dụng và được tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư vào lĩnh vực, địa bàn thích hợp.

3. Trong trường hợp do thay đổi quy định của pháp luật mà làm thiệt hại đến lợi ích của nhà đầu tư, thì Nhà nước cho phép nhà đầu tư được tiếp tục hưởng các ưu đãi đã quy định cho thời gian còn lại hoặc Nhà nước giải quyết thỏa đáng quyền lợi cho nhà đầu tư.

Điều 7

Nhà nước thực hiện các biện pháp sau đây nhằm tạo điều kiện cho nhà đầu tư có mặt bằng hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

1. Giao đất hoặc cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về dân sự;
2. Công bố công khai quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt và quỹ đất chưa sử dụng, đất đang có nhu cầu giao và cho thuê của từng địa phương;
3. Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định cụ thể những trường hợp nhà đầu tư được quyền chuyển đổi, quyền chuyển nhượng, quyền cho thuê lại, quyền thế chấp, quyền thừa kế đối với đất được giao và đất thuê.

Điều 8

Nhà nước hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi về kết cấu hạ tầng cho nhà đầu tư như sau:

1. Xây dựng các khu công nghiệp với quy mô vừa và nhỏ ở các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để nhà đầu tư sử dụng làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh với các điều kiện ưu đãi;
2. Xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất để tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh;
3. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh tại khu công nghiệp, khu chế xuất, đặc khu kinh tế.

Điều 9

Nhà nước góp vốn vào các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế đóng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thông qua các doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức tín dụng của Nhà nước.

Điều 10

Nhà nước lập và khuyến khích lập các Quỹ hỗ trợ đầu tư, Quỹ hỗ trợ xuất khẩu từ nguồn ngân sách nhà nước, từ nguồn góp của các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước. Quỹ hỗ trợ đầu tư cho vay đầu tư trung hạn và dài hạn với lãi suất ưu đãi, trợ cấp một phần lãi suất cho các dự án đầu tư được ưu đãi, bảo lãnh tín dụng đầu tư. Quỹ hỗ trợ xuất khẩu cấp tín dụng với lãi suất ưu đãi nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, kinh doanh hàng xuất khẩu, mở rộng thị trường xuất khẩu và bảo lãnh tín dụng xuất khẩu.

Hoạt động của Quỹ hỗ trợ đầu tư, Quỹ hỗ trợ xuất khẩu thực hiện theo Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 11

1. Nhà nước khuyến khích việc phổ biến và chuyển giao công nghệ; tạo điều kiện cho nhà đầu tư được sử dụng với mức phí ưu đãi các công nghệ tạo ra từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Nhà nước lập Quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ từ nguồn ngân sách nhà nước, từ nguồn góp của các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước nhằm hỗ trợ cho các nhà đầu tư vay với các điều kiện thuận lợi, lãi suất ưu đãi để nghiên cứu, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ.

Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ do Chính phủ quy định.

Điều 12

Nhà nước khuyến khích các hoạt động hỗ trợ đầu tư sau đây:

1. Tư vấn về pháp lý, đầu tư, kinh doanh và quản trị doanh nghiệp;
2. Đào tạo nghề, cán bộ kỹ thuật; bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn và quản lý kinh tế;
3. Cung cấp thông tin về thị trường, khoa học - kỹ thuật, công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ;
4. Tiếp thị, xúc tiến thương mại;
5. Thành lập các hiệp hội ngành nghề sản xuất, kinh doanh, các hiệp hội xuất khẩu.

Điều 13